



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP VICEM Thạch cao Xi măng

Ngày 31/12/2025	4,500 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-2.2%	-	-6.3%

DT thuần Q4/25
42.6
tỷ VNĐ
QoQ: ▼5.70 -11.9%
YoY: ▼27.2 -39.0%

LN thuần Q4/25
0.16
tỷ VNĐ
QoQ: ▼0.03 -16.9%
YoY: ▲ 1.92 109%

LN sau thuế Q4/25
0.20
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.06 41.8%
YoY: ▼0.28 -58.6%

Tỷ suất lãi EBIT 2025
0.3%
YoY: +/-▲ 0.6%

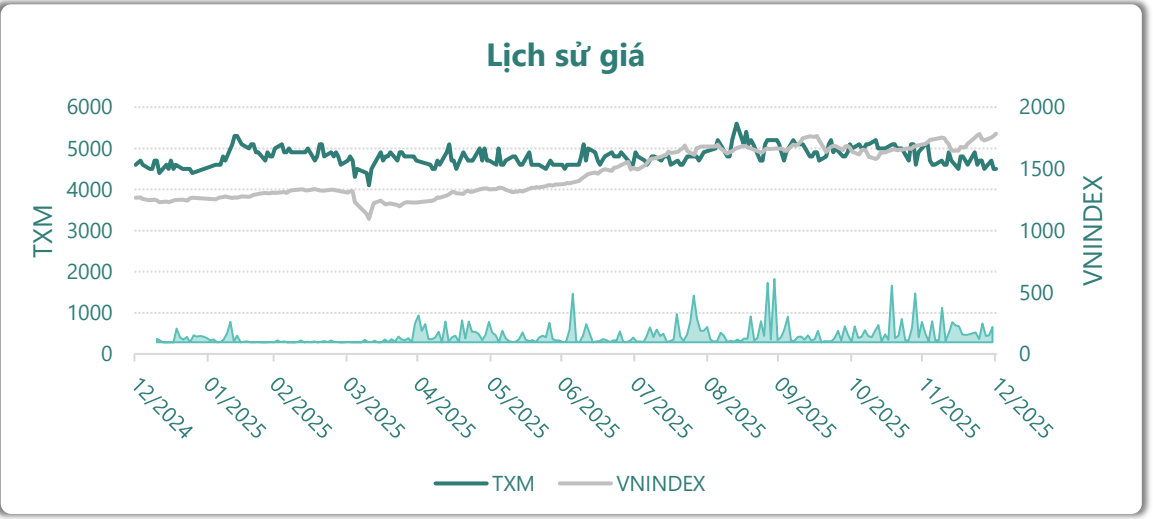
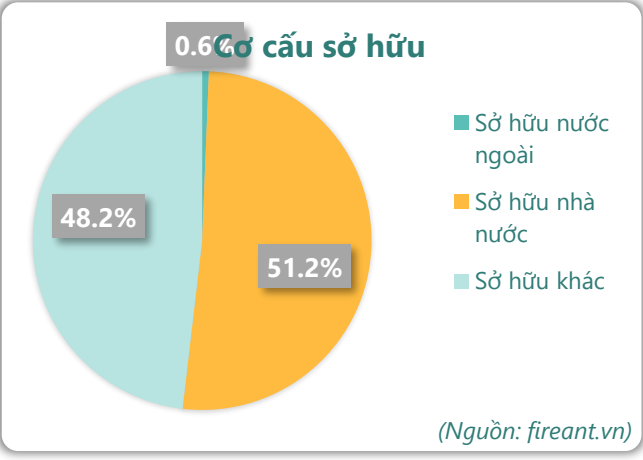
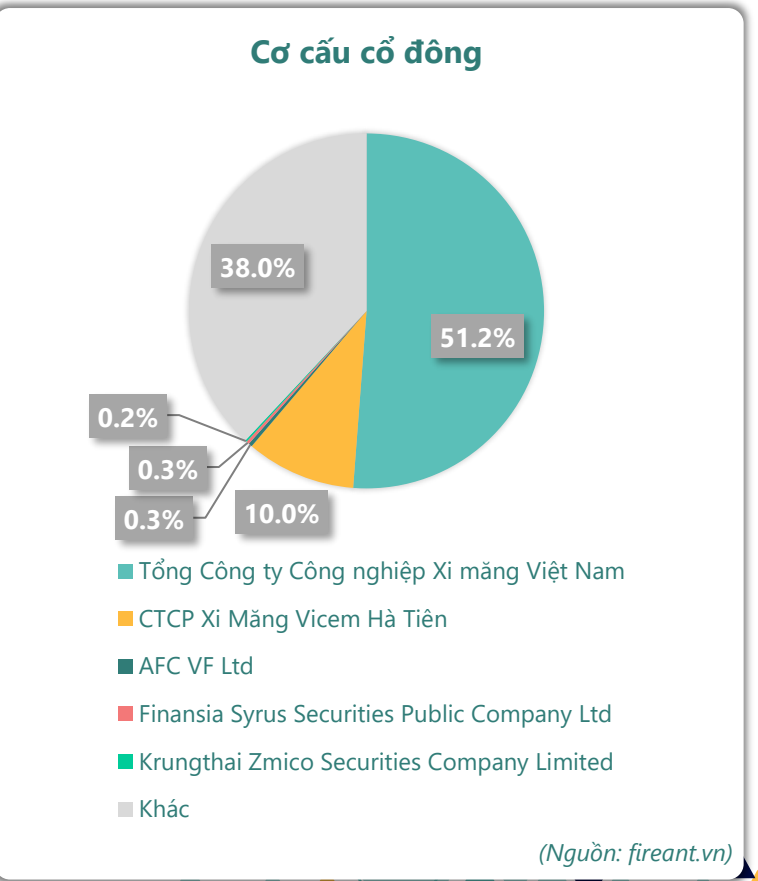
ROE 2025
0.5%
YoY: +/-▲ 1.2%

Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	4,100 - 5,600
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	32
Số lượng CPLH (CP)	7,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	5,470
Sở hữu nước ngoài	0.6%
Beta	0.36
EPS	79
P/E	56.8

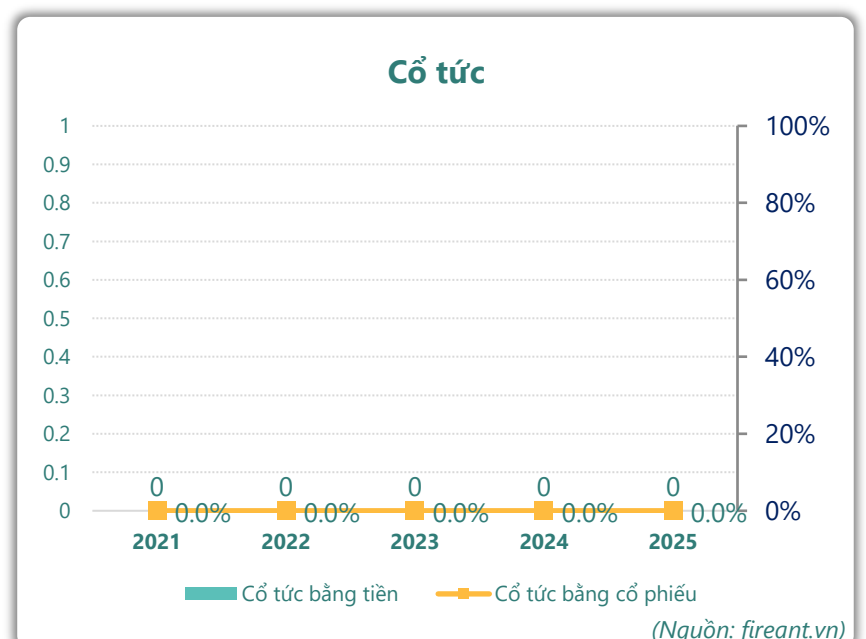
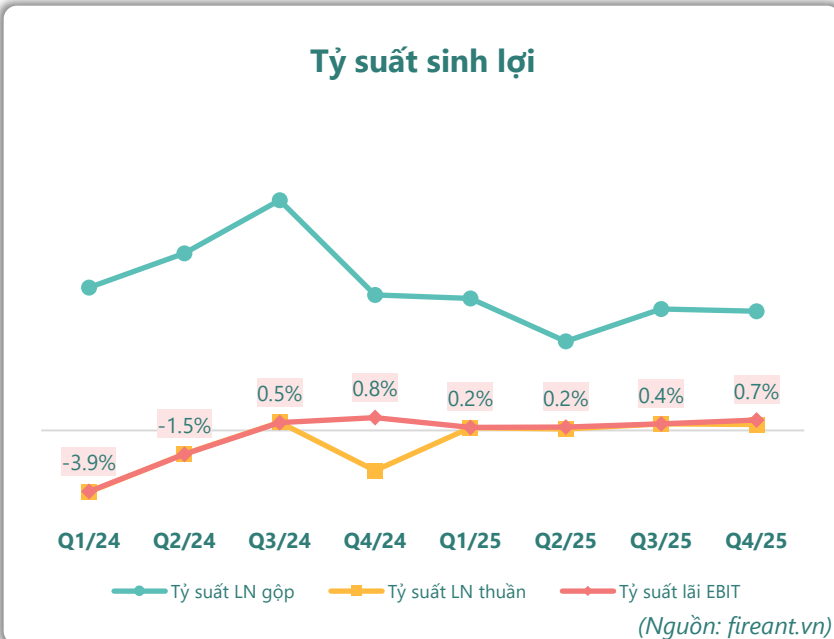
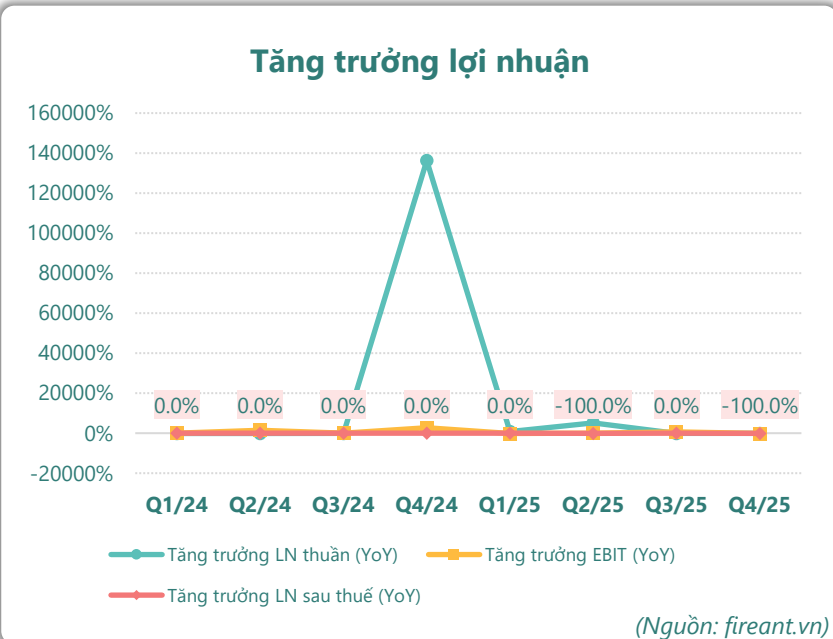
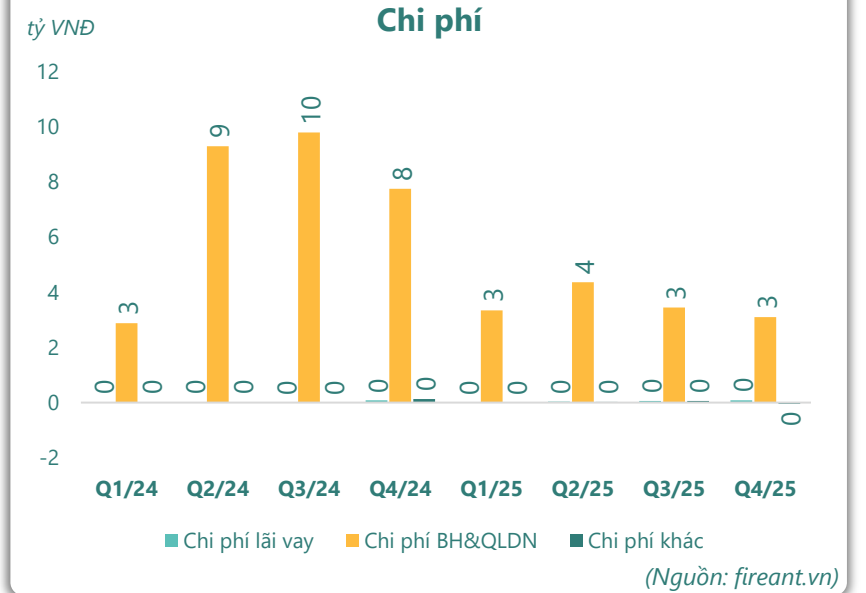
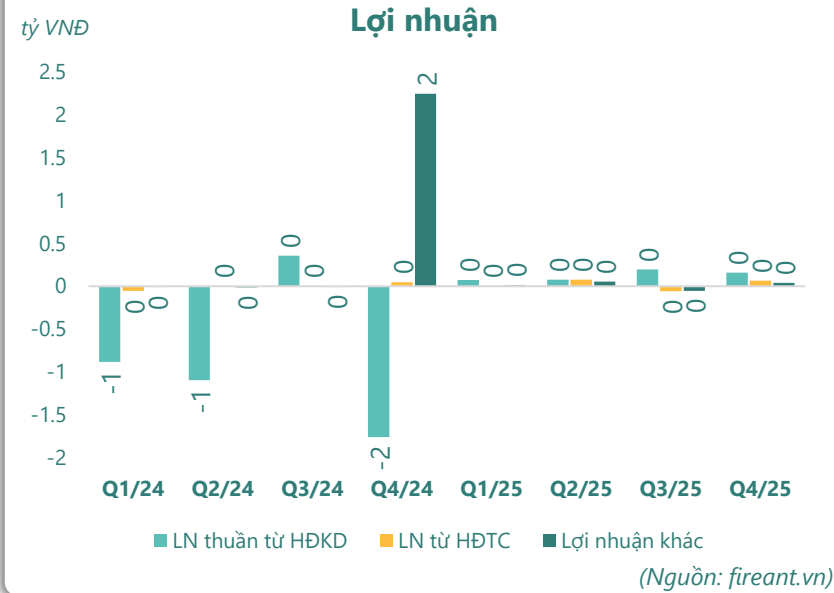
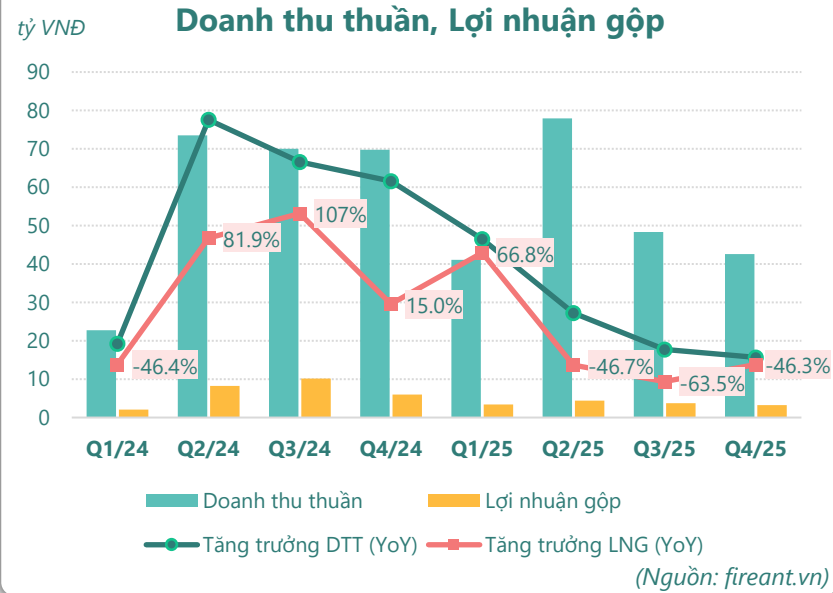
DT thuần 2025
210
tỷ VNĐ
YoY: ▼26.0 -11.1%

LN thuần 2025
0.50
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 3.15 119%

LN sau thuế 2025
0.55
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 1.30 174%



KẾT QUẢ KINH DOANH

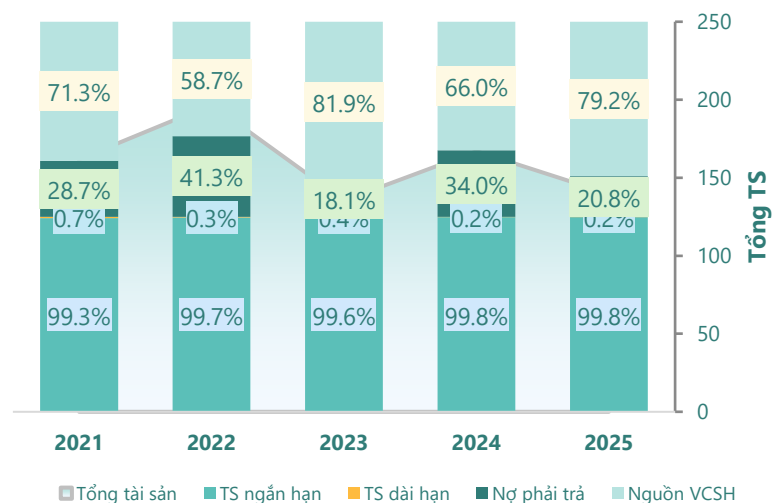




TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

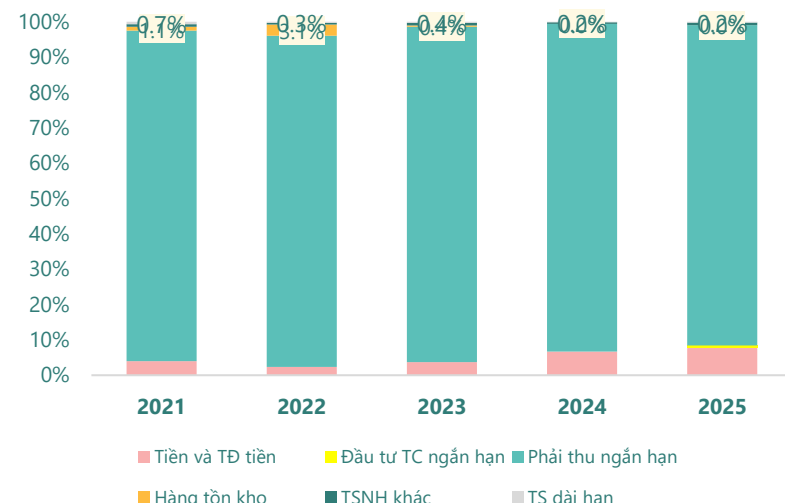
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

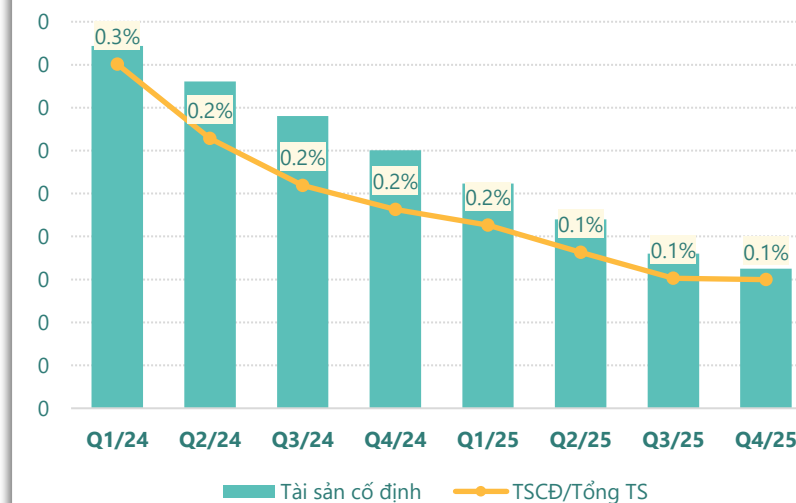
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

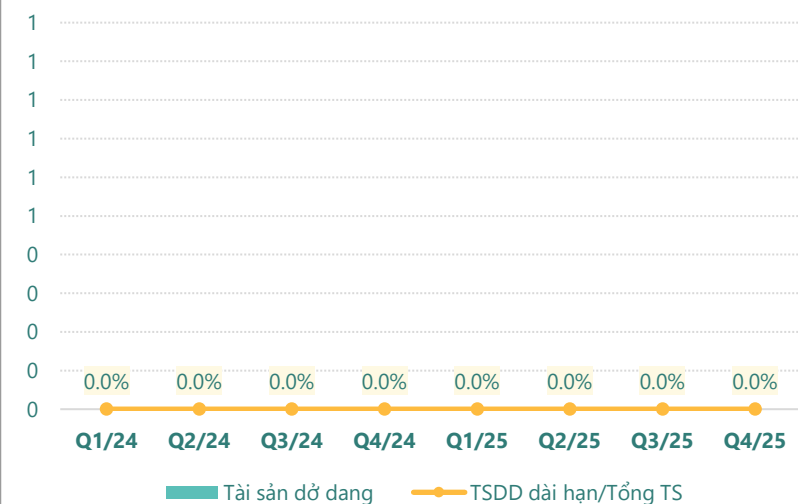
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

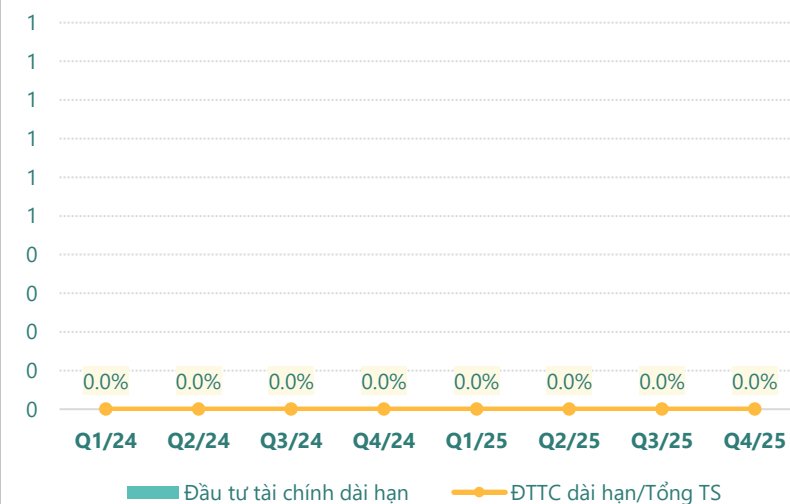
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

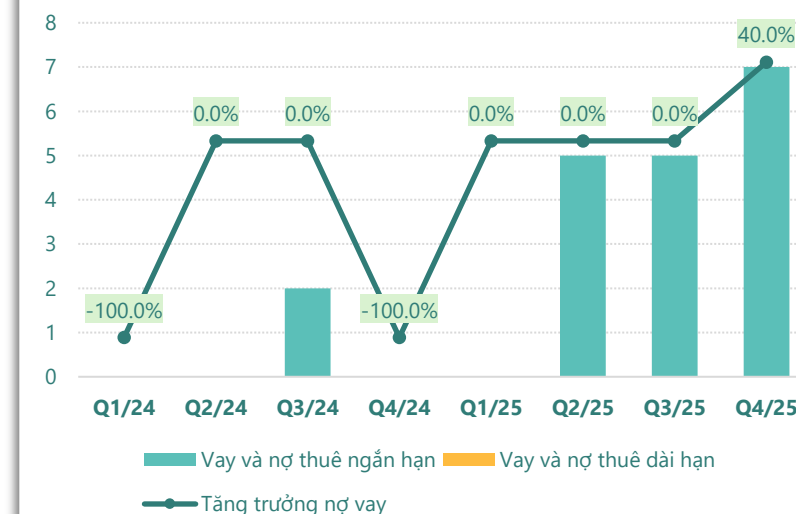
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

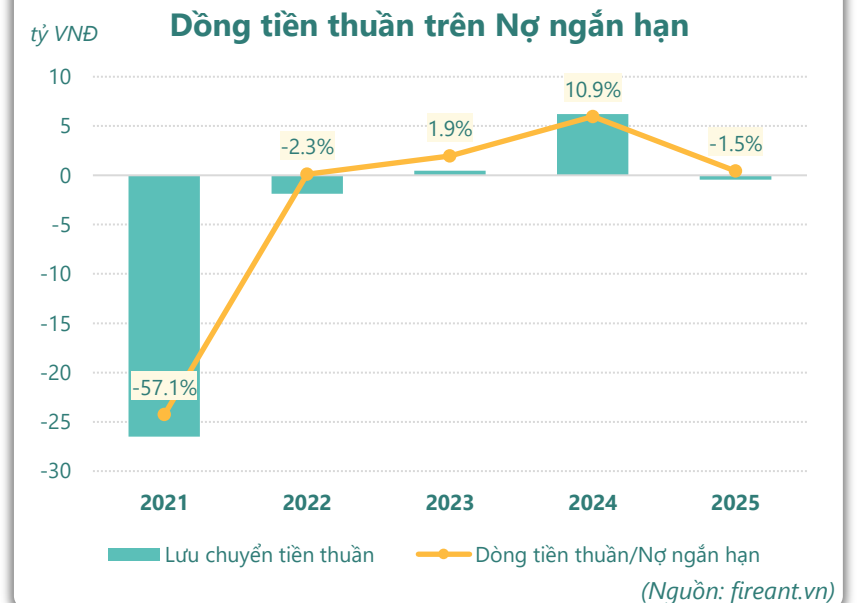
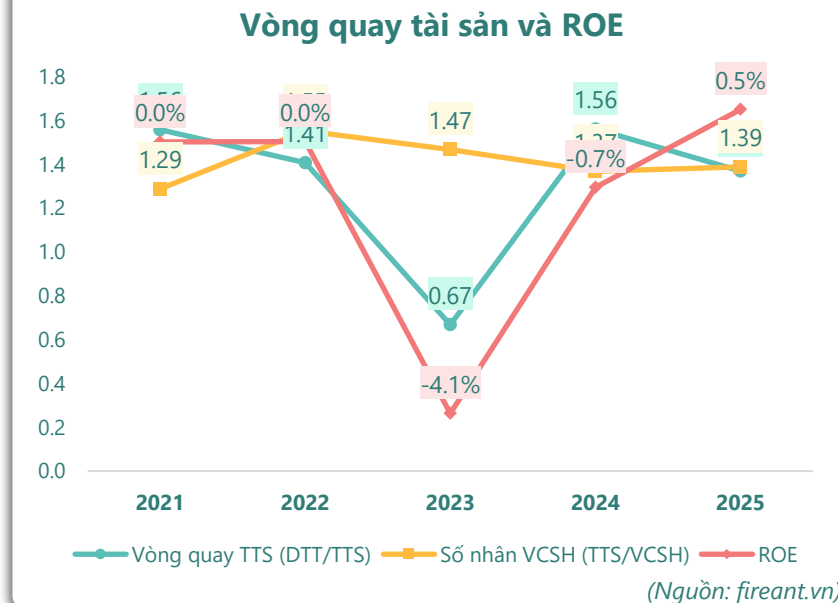
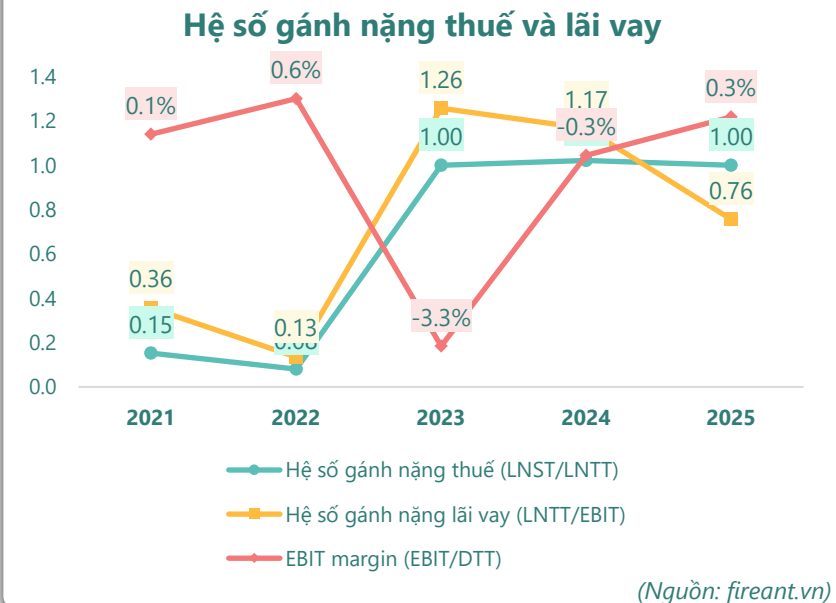
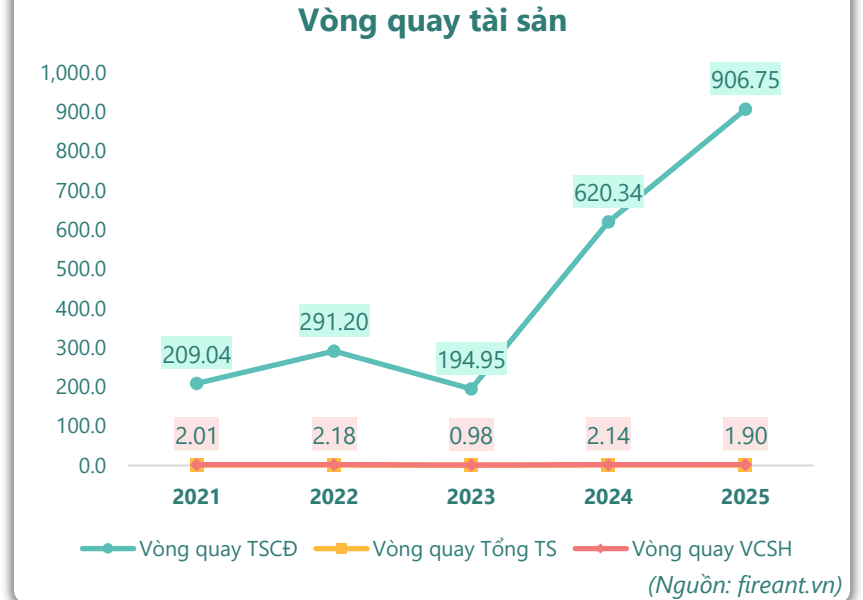
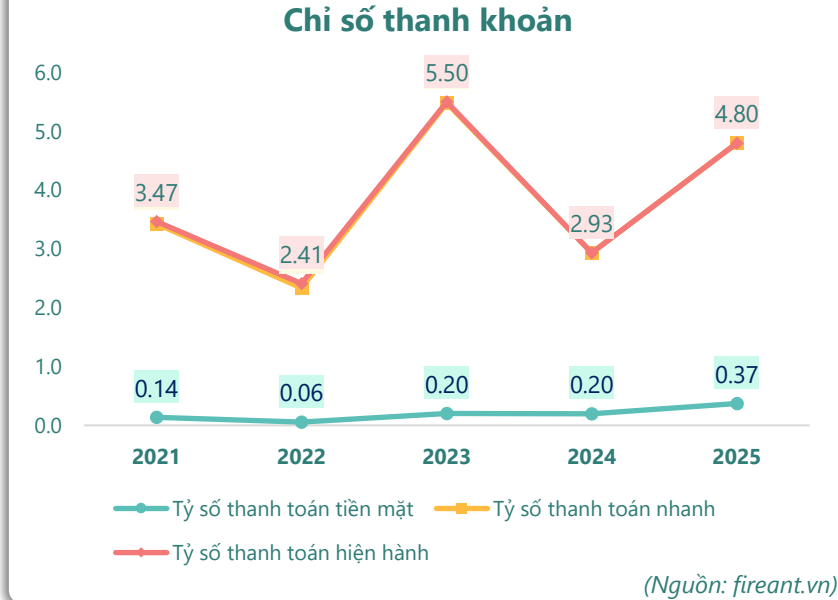
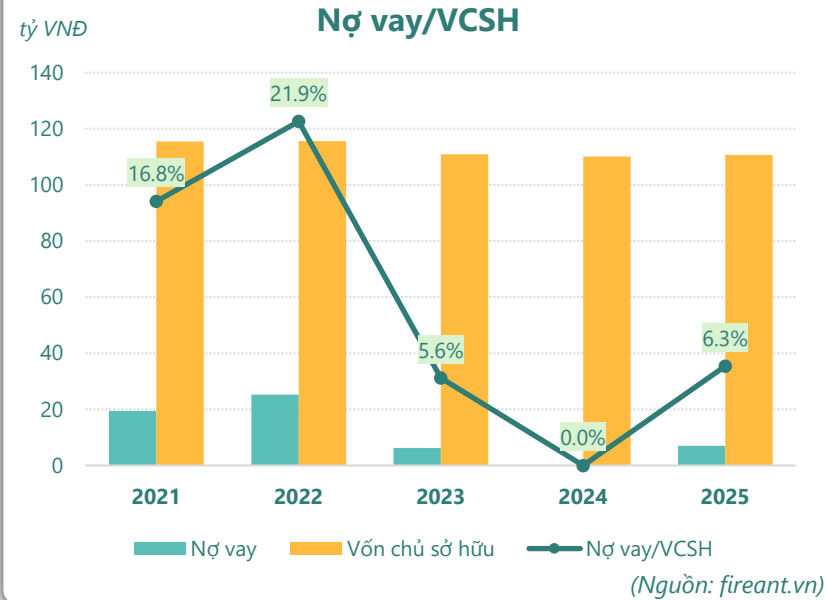
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)



HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	42.6	69.8	-39.0%	210	236	-11.1%
Giá vốn hàng bán	39.4	63.8	-38.3%	195	210	-6.9%
Lợi nhuận gộp	3.20	5.95	-46.2%	14.7	26.4	-44.3%
Doanh thu HĐTC	0.15	0.13	16.4%	0.30	0.26	15.3%
Chi phí TC	0.08	0.08	5.8%	0.21	0.26	-18.4%
Chi phí lãi vay	0.08	0.08	3.0%	0.18	0.11	70.2%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	2.23	3.83	-41.8%	7.05	17.4	-59.4%
Chi phí QLDN	0.88	3.94	-77.7%	7.23	11.7	-38.0%
LN thuần từ HĐKD	0.16	-1.76	109%	0.50	-2.65	119%
Lợi nhuận khác	0.04	2.25	-98.2%	0.05	1.91	-97.2%
LN trước thuế	0.20	0.49	-59.5%	0.55	-0.74	175%
Lợi nhuận sau thuế	0.20	0.48	-58.6%	0.55	-0.75	174%
LNST của CĐ cty mẹ	0.20	0.48	-58.6%	0.55	-0.75	174%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-4.16	7.27	-9.04	-3.76	5.49	0.55
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	6.50	0.00	0.00	-0.67	0.93	-0.95
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	2.00	-2.00	0	5.00	0	2.00
Tiền đầu kỳ	1.62	5.94	11.2	2.19	2.77	9.19
Lưu chuyển tiền thuần	4.34	5.27	-9.04	0.58	6.42	1.60
Ảnh hưởng tỷ giá	-0.02	0.01	0	0.00	0	0.00
Tiền cuối kỳ	5.94	11.2	2.19	2.77	9.19	10.8

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	140	167	-16.3%
Tài sản ngắn hạn	139	167	-16.3%
Tiền và tương đương tiền	10.8	11.2	-3.9%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1.00	0	
Phải thu ngắn hạn	126	155	-18.3%
Hàng tồn kho	0	0	
Tài sản ngắn hạn khác	1.12	0.64	74.7%
Tài sản dài hạn	0.28	0.31	-11.0%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	0.16	0.30	-45.8%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	0.12	0.01	844%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	29.0	56.8	-48.9%
Nợ ngắn hạn	29.0	56.8	-48.9%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	7.00	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	19.3	54.3	-64.5%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	111	110	0.5%
Vốn chủ sở hữu	111	110	0.5%
Vốn điều lệ	70.0	70.0	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

